HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY NIÊN LUẬN

1. Hình thức trình bày: Theo thứ tự sau:

- Trang bìa (Phụ lục 1)

- Phụ bìa (Phụ lục 2)

- Trang dành cho giáo viên hướng dẫn đánh giá (xem bên dưới)

- Mục lục (Phụ lục 3)

- Danh mục các ký hiệu, chữ viết tắt nếu có (Phụ lục 4)

- Mở đầu

- Nội dung của niên luận gồm các chương, mục, tiểu mục, … (theo mẫu gửi kèm)

- Kết luận

- Tài liệu tham khảo (Phụ lục 5)

- Phụ lục (nếu có)

- Xác nhận của giáo viên hướng dẫn/cơ quan thực tập.

2. Cách trình bày niên luận:

Niên luận phải được trình bày ngắn gọn, rõ ràng, mạch lạc, sạch sẽ, không được tẩy xoá, có đánh số trang, đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị.

*a. Soạn thảo văn bản*

Niên luận được sử dụng chữ Times New Roman, cỡ 13 hoặc 14 của hệ soạn thảo Winword hoặc tương đương; mật độ chữ bình thường, không được nén hoặc kéo dãn khoảng cách giữa các chữ; dãn dòng đặt ở chế độ 1,2 lines; lề trên 3,5cm; lề dưới 3cm; lề trái 3,5cm; lề phải 2cm. Số trang được đánh ở giữa, phía trên đầu mỗi trang giấy. Nếu có bảng biểu, hình vẽ trình bày theo chiều ngang khổ giấy thì đầu bảng là lề trái của trang, nhưng nên hạn chế trình bày theo cách này.

Niên luận được in trên giấy trắng khổ A4 (210x297 mm).

*b. Tiểu mục*

Các tiểu mục của niên luận được trình bày và đánh số thành nhóm chữ số, nhiều nhất gồm 4 chữ số với số thứ nhất chỉ số chương (ví dụ 3.1.2.1. chỉ tiểu mục 1 nhóm tiểu mục 2 mục 1 chương 3). Tại mỗi nhóm tiểu mục phải có ít nhất hai tiểu mục, nghĩa là không thể có tiểu mục 2.1.1 mà không có tiểu mục 2.1.2 tiếp theo.

*c. Bảng biểu, hình vẽ, phương trình*

Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ, phương trình phải gắn với số chương: Ví dụ Hình 3.4 có nghĩa là hình thứ 4 trong Chương 3. Mọi bảng biểu, đồ thị lấy từ các nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ, ví dụ “Nguồn: Bộ Tài chính 1996). Nguồn được trích dẫn phải được liệt kê chính xác trong danh mục Tài liệu tham khảo. Đầu đề của bảng biểu ghi phía trên bảng, đầu đề của hình vẽ ghi phía dưới hình.

*d. Viết tắt*

Không lạm dụng việc viết tắt trong niên luận. Chỉ viết tắt những từ, cụm từ hoặc thuật ngữ được sử dụng nhiều lần trong niên luận. Không viết tắt những cụm từ dài, những mệnh đề; không viết tắt những cụm từ ít xuất hiện trong niên luận. Nếu cần viết tắt những từ, thuật ngữ, tên cơ quan, tổ chức, ... thì được viết tắt sau lần viết thứ nhất có kèm theo chữ viết tắt trong ngoặc đơn. Nếu niên luận có nhiều chữ viết tắt thì phải có bảng danh mục các chữ viết tắt (xếp theo thứ tự ABC) ở phần đầu niên luận. Viết tắt các thuật ngữ và cụm từ nước ngoài phải theo quy định quốc tế.

*e. Cách trích dẫn tài liệu tham khảo*

Việc trích dẫn phải theo số thứ tự của tài liệu ở danh mục Tài liệu tham khảo và được đặt trong ngoặc vuông, khi cần có cả số trang, ví dụ [16, tr.314-315]. Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của các tài liệu đó được đặt trong cùng một ngoặc vuông, theo thứ tự tăng dần, ví dụ [5, 21, 49]. Đối với các tài liệu liên tiếp, dùng gạch nối giữa các số thứ tự của tài liệu trích dẫn, ví dụ [7-11].

#### *Mẫu 1:*

#### *Trang bìa niên luận in giấy bìa cứng*

|  |
| --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG  https://encrypted-tbn0.gstatic.com/images?q=tbn:ANd9GcTEVELCg1Ph2Q35iGhEPjPM-CZPQJ4bENjYQpf6b-_XHr4CWiLT  Ngành Công nghệ thông tin  Chuyên ngành Tin học ứng dụng  Niên luận cơ sở - CT270 TÊN ĐỀ TÀI NIÊN LUẬN GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN: SINH VIÊN THỰC HIỆN:  - (Ghi rõ, học hàm, học vị, họ và tên): -(Ghi rõ, MSSV, họ và tên):   (học kỳ, niên khóa thực hiện) |

*Mẫu 2:*

#### *Trang phụ bìa niên luận*

|  |
| --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN & TRUYỀN THÔNG  https://encrypted-tbn0.gstatic.com/images?q=tbn:ANd9GcTEVELCg1Ph2Q35iGhEPjPM-CZPQJ4bENjYQpf6b-_XHr4CWiLT  Ngành Công nghệ thông tin  Chuyên ngành Tin học ứng dụng  Niên luận cơ sở - CT270 TÊN ĐỀ TÀI NIÊN LUẬN GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN: SINH VIÊN THỰC HIỆN:  - (Ghi rõ, học hàm, học vị, họ và tên): -(Ghi rõ, MSSV, họ và tên):    (học kỳ, niên khóa thực hiện) |

*Mẫu 3:*

MẪU MỤC LỤC

*Trang*

Danh mục các ký hiệu, chữ viết tắt (nếu có)

Mở đầu

Chương 1.

1.1.

1.1.1

1.1.1.1

…

1.2

1.2.1

1.2.1.1

…

…

Chương ..

…

Kết luận

Tài liệu tham khảo

Phụ lục (nếu có)

*Mẫu 4:*

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

|  |  |
| --- | --- |
| Chữ viết tắt | Nguyên nghĩa |
|  |  |

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NIÊN LUẬN THUD

(Học kỳ: 02, Năm 2021-2022)

TÊN ĐỀ TÀI:..........................................................................................................……........

GIÁO VIÊN HƯỚNG DẪN:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | HỌ VÀ TÊN | MSCB |
| 1 |  |  |

SINH VIÊN THỰC HIỆN:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | HỌ VÀ TÊN | MSSV | THƯỞNG  *(Tối đa 1,0 điểm)* | ĐIỂM |
| 1 |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| I. HÌNH THỨC *(Tối đa 0,5 điểm)* |  |
| Bìa *(tối đa 0,25 điểm)* |  |
| * Các tiêu đề: Trường ĐHCT, Khoa CNTT * Loại niên luận: 3, Tên đề tài * Giáo viên hướng dẫn: chức danh, họ tên * Thông tin về các sinh viên thực hiện: họ tên, mã số, lớp * Năm thực hiện |  |
| Bố cục *(tối đa 0.25 điểm)* |  |
| * Nhận xét của giáo viên hướng dẫn và giáo viên chấm * Mục lục: cấu trúc chương, mục và tiểu mục * Phụ lục (nếu có) * Tài liệu tham khảo |  |
| II. NỘI DUNG *(Tối đa 5.0 điểm)* |  |
| Giới thiệu *(tối đa 0.5 điểm)* |  |
| * Mô tả bài toán * Mục tiêu cần đạt, hướng giải quyết |  |
| Lý thuyết *(tối đa 1.0 điểm)* |  |
| * Các khái niệm * Các phương pháp * Kết quả nghiên cứu lý thuyết vận dụng vào đề tài |  |
| Ứng dụng *(tối đa 3 điểm)* |  |
| * Đặc tả hệ thống (0.5 điểm) * Các mô hình (MCD, MLD, PDM) và các ràng buộc toàn vẹn (1 điểm) * DFD, Sơ đồ chức năng, lưu đồ giải thuật giải quyết vấn đề (nếu có), diễn giải ý nghĩa các màn hình cập nhật (FORM) và các báo biểu (REPORT) (1 điểm) * Giới thiệu chương trình (0,5 điểm) |  |
| Kết luận *(tối đa 0,5 điểm)* |  |
| * Nhận xét kết quả đạt được * Hạn chế * Hướng phát triển |  |
| III. CHƯƠNG TRÌNH DEMO *(Tối đa 3.5 điểm)* |  |
| Giao diện thân thiện với người dùng *(0.5 điểm)* |  |
| Hướng dẫn sử dụng *(0.5 điểm)* |  |
| Kết quả thực hiện đúng với kết quả của phần ứng dụng   * Cài đặt CSDL cùng với các ràng buộc toàn vẹn (0.5 điểm) * Forms cập nhật đúng (1 điểm) * Reports hợp lý (1 điểm) |  |

Ghi chú:

1. *Điểm trong khung “sinh viên thực hiện” là điểm kết quả cuối cùng của từng sinh viên trong quá trình thực hiện niên luận.*
2. *Nếu sinh viên demo chương trình và trả lời vấn đáp không đạt yêu cầu của giáo viên hướng dẫn thì sinh viên sẽ nhận điểm F cho học phần này.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | Cần Thơ, ngày .......... tháng 05 năm 2022.  GIÁO VIÊN CHẤM |

*Mẫu 5:*

HƯỚNG DẪN XẾP TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu tham khảo được xếp riêng theo từng ngôn ngữ (Việt, Anh, Pháp, Đức, Nga, ...). Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch, kể cả tài liệu bằng tiếng Trung Quốc, Nhật, ...(đối với những tài liệu bằng ngôn ngữ còn ít người biết có thể thêm phần dịch tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu).

2. Tài liệu tham khảo xếp theo thứ tự ABC họ tên tác giả theo thông lệ của từng nước:

- Tác giả là người nước ngoài: xếp thứ tự ABC theo họ

- Tác giả là người Việt Nam: xếp thứ tự ABC theo tên nhưng vẫn giữ nguyên thứ tự thông thường của tên người Việt Nam, không đảo tên lên truớc họ.

- Tài liệu không có tên tác giả thì xếp theo thứ tự ABC từ đầu của tên cơ quan ban hành báo cáo hay ấn phẩm, ví dụ: Tổng cục Thống kê xếp vào vần T, Bộ Giáo dục và Đào tạo xếp vào vần B, v.v...

3. Tài liệu tham khảo là sách, khóa luận, luận văn, luận án, báo cáo phải ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Tên tác giả hoặc cơ quan ban hành (không có dấu ngăn cách)

- năm xuất bản, (đặt trong ngoặc đơn, dấy phảy sau ngoặc đơn)

- *Tên sách, luận án hoặc báo cáo*, (in nghiêng, dấu phảy cuối tên)

- Nhà xuất bản (dấu phảy cuối tên nhà xuất bản)

- Nơi xuất bản. (dấu chấm kết thúc tài liệu tham khảo)

(xem ví dụ trang sau tài liệu số 2, 3, 4, 23, 30, 31, 32, 33)

Tài liệu tham khảo là bài báo trong tạp chí, bài trong một cuốn sách, ... ghi đầy đủ các thông tin sau:

- Tên các tác giả (không có dấu ngăn cách)

- (năm công bố), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phảy sau ngoặc đơn)

- “tên bài báo”, (đặt trong ngoặc kép, không in nghiêng, dấu phảy cuối tên)

- T*ên tạp chí hoặc tên sách*, (in nghiêng, dấu phảy cuối tên)

- Tập (không có dấu ngăn cách)

- (số), (đặt trong ngoặc đơn, dấu phảy sau ngoặc đơn)

- Các số trang. (gạch ngang giữa hai chữ số, dấu chấm kết thúc)

(xem ví dụ trang sau tài liệu số 1, 28, 29)

Cần chú ý những chi tiết về trình bày nêu trên. Nếu tài liệu dài hơn một dòng thì nên trình bày sao cho từ dòng thứ hai lùi vào so với dòng thứ nhất 1 cm để phần tài liệu tham khảo được rõ ràng và dễ theo dõi.

Dưới đây là ví dụ về cách trình bày trang tài liệu tham khảo

*Mẫu 6:*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

###### Tiếng Việt

1. Quách Ngọc Ân (1992), “Nhìn lại hai năm phát triển lúa lai”, *Di truyền học ứng dụng*, 98(1), Tr. 10-16.

2. Bộ Nông nghiệp & PTNT (1996), *Báo cáo tổng kết 5 năm (1992 – 1996) phát triển lúa lai*, Hà Nội.

3. Nguyễn Hữu Đống, Đào Thanh Bằng, Lâm Quang Dụ, Phan Đức Trực (1997), *Đột biến – Cơ sở lý luận và ứng dụng*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội.

4. Nguyễn Thị Gấm (1996), *Phát hiện và đánh giá một số dòng bất dục đực cảm ứng nhiệt độ*, Chuyên đề/khóa luận thạc sỹ khoa học Nông nghiệp, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.

...

23. Võ Thị Kim Huệ (2000), *Nghiên cứu chấn đoán và điều trị bệnh*, ..., Luận án tiến sỹ Y khoa, Trường Đại học Y Hà Nội, Hà Nội.

…

###### Tiếng Anh

28. Anderson J. E. (1985), The Relative Inefficiency of Quota, The Cheese Case, *American Economic Review*, 75(1), pp. 178-190.

29. Borkakati R. P., Virmani S. S. (1997), Genetics of thermosensitive genic male sterility in Rice, *Euphytica* 88, pp. 1-7.

30. Boulding K.E. (1955), *Economics Analysis*, Hamish Hamish, London.

31. Burton G. W. (1988), “Cytoplasmic male-sterility in pearl millet (pennisetum glaucum L.), *Agronomic Journal* 50, pp.230-231.

32. Central Statistical Oraganisation (1995), *Statistical Year Book*, Beijing.

33. FAO (1971), *Agricultural Commodity Projections (1970-1980*), Vol. II. Rome.

34. Institute of Economics (1988), *Analysic of Expenditure Pattern of Urban Households in Vietnam*, Departement of Economics, Economic Research Report, Hanoi.